

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa Phật đã nói đó, các Đại Bồ-tát chẳng mặc áo giáp đại công đức, nên biết mới là mặc áo giáp Đại thừa, vì tự tướng tất cả pháp là không. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì sắc, tướng của sắc là không; cho đến thức và tướng của thức là không. Nhãn xứ, tướng của nhãn xứ là không; cho đến ý xứ, tướng của ý xứ là không. Sắc xứ, tướng của sắc xứ là không; cho đến pháp xứ, tướng của pháp xứ là không. Nhãn giới, tướng của nhãn giới là không; cho đến ý giới, tướng của ý giới là không. Sắc giới, tướng của sắc giới là không; cho đến pháp giới, tướng của pháp giới là không. Nhãn thức giới, tướng của nhãn thức giới là không; cho đến ý thức giới, tướng của ý thức giới là không. Nhãn xúc, tướng của nhãn xúc là không; cho đến ý xúc, tướng của ý xúc là không. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra là không; cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra, tướng của các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra là không. Bồ thí Ba-la-mật-đa, tướng của bồ thí Ba-la-mật-đa là không; cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa, tướng của Bát-nhã ba-la-mật-đa là không. Pháp nội Không, tướng của pháp nội Không là không; cho đến pháp vô tính tự tính Không, tướng của pháp vô tính tự tính Không là không. Bốn niệm trụ, tướng của bốn niệm trụ là không; cho đến tám chi thánh đạo, tướng của tám chi thánh đạo là không.

Như vậy, cho đến mười lục Như Lai, tướng của mười lục Như Lai là không; cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, tướng của mười tám pháp Phật bất cộng là không. Đại Bồ-tát, tướng của Đại Bồ-tát là không. Mặc áo giáp đại công đức, tướng của mặc áo giáp đại công đức là không.

Bạch Thế Tôn! Do yếu tố này nên biết các Đại Bồ-tát mặc áo giáp công đức, tức là mặc áo giáp Đại thừa.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói. Vì sao? Vì trí nhất thiết trí không tạo không tác. Tất cả hữu tình cũng không tạo, không tác, các phiền não kia cũng không tạo không tác. Các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Vì nhân duyên gì mà trí nhất thiết trí không tạo không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo không tác, các phiền não kia cũng không tạo không tác, các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Vì các tác giả bất khả đắc nên trí nhất thiết trí không tạo không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo không tác, các phiền não kia cũng không tạo không tác. Vì sao?

Thiện Hiện! Sắc cho đến thức phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì sắc cho đến thức rốt ráo bất khả đắc. Nhãn xứ cho đến ý xứ phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì nhãn xứ cho đến ý xứ rốt ráo bất khả đắc. Sắc xứ cho đến pháp xứ phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì sắc xứ cho đến pháp xứ rốt ráo bất khả đắc. Nhãn giới cho đến ý giới phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì nhãn giới cho đến ý giới rốt ráo bất khả đắc. Sắc giới cho đến pháp giới phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì sắc giới cho đến pháp giới rốt ráo bất khả đắc. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì nhãn thức giới cho đến ý thức giới rốt ráo bất khả đắc. Nhãn xúc cho đến ý xúc phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì nhãn xúc cho đến ý xúc rốt ráo bất khả đắc. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra rốt ráo bất khả đắc. Ngã cho đến kiến giả phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì ngã cho đến kiến giả rốt ráo bất khả đắc. Mộng, huyễn, hóa, tiếng vang, quang năng, ảnh trong gương, như sự biến hóa, thành Tầm hương (ảnh ảo) v.v... phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì mộng cho đến Thành tầm hương rốt ráo bất khả đắc. Pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự tính Không phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự tính Không rốt ráo bất khả đắc. Bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo rốt ráo bất khả đắc. Pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện rốt ráo bất khả đắc. Nói đầy đủ cho đến mười lực Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng rốt ráo bất khả đắc. Chơn như, pháp giới, pháp

tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế phi tạo phi bất tạo, phi tác, phi bất tác. Vì sao? Vì chơn như cho đến thật tế rốt ráo bất khả đắc. Các Đại Bồ-tát phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát rốt ráo bất khả đắc. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác rốt ráo bất khả đắc. Trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng phi tạo phi bất tạo, phi tác phi bất tác. Vì sao? Vì trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng rốt ráo bất khả đắc.

Thiện Hiện! Do yếu tố này nên trí nhất thiết trí không tạo không tác, tất cả hữu tình cũng không tạo không tác, các phiền não kia cũng không tạo không tác. Các Đại Bồ-tát vì việc này nên mặc áo giáp Đại thừa.

Thiện Hiện! Do nghĩa này nên các Đại Bồ-tát không mặc áo giáp công đức, phải biết đó là mặc áo giáp Đại thừa.

Bây giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa lời Phật nói thì sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở.

Khi ấy, Mãn Từ Tử hỏi Thiện Hiện:

- Tôn giả nói sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở ư?

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Đúng vậy!

Mãn Từ Tử hỏi:

- Những sắc cho đến thức nào không trói buộc, không cởi mở?

Thiện Hiện đáp:

- Như mộng cho đến thành Tầm hương, sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức như vậy là vô sở hữu, là viễn ly, vắng lặng, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Quá khứ sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Trong vị lai sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Trong hiện tại sắc cho đến thức không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức như thế là vô sở hữu, viễn ly, vắng lặng, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Sắc cho đến thức thiện không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức bất thiện không trói buộc, không cởi

mở. Sắc cho đến thức vô ký không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này không có sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Sắc cho đến thức có tội không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức vô tội không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này không có sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Sắc cho đến thức hữu lậu không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức vô lậu không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này không có sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Sắc cho đến thức thế gian không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức xuất thế gian không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này không có sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Sắc cho đến thức tạp nhiễm không trói buộc, không cởi mở. Sắc cho đến thức thanh tịnh không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức này không có sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tất cả pháp không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả pháp vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, vì vô sanh, vì vô diệt, vì vô nhiễm, vì vô tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Bồ thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì bồ thí v.v... Ba-la-mật-đa vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự tính Không không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả pháp nội Không v.v... vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả bốn niệm trụ v.v... vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyên không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Như vậy cho đến mười lục Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì tất cả mười lục v.v... vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các trí này vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tất cả hạnh Đại Bồ-tát không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các hạnh của Đại Bồ-tát vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Các Đại Bồ-tát không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chơn như v.v... vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử! Đối với pháp môn vi diệu không trói buộc, không cởi mở, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện nên như thật biết.

Mãn Từ Tử! Đối với sáu pháp Ba-la-mật-đà cho đến trí nhất thiết tướng không trói buộc, không cởi mở như vậy, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện siêng năng tu học.

Mãn Từ Tử! Đối với sáu pháp Ba-la-mật-đà cho đến trí nhất thiết tướng không trói buộc, không cởi mở này, các Đại Bồ-tát nên an trụ một cách đúng đắn.

Mãn Từ Tử! Các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện, nên thành thực hữu tình, không trói buộc, không cởi mở, nên nghiêm tịnh cõi Phật không trói buộc, không cởi mở, nên thân cận cúng dường chư Phật không trói buộc, không cởi mở, nên ghi nhận pháp môn không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử! Đại Bồ-tát này thường không viễn ly chư Phật không trói buộc, không cởi mở, thường không viễn ly thần thông không trói buộc, không cởi mở, thường không viễn ly năm loại mắt không trói buộc, không cởi mở, thường không viễn ly pháp môn Đà-la-ni không trói buộc, không cởi mở, thường không viễn ly pháp môn Tam-ma-địa không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử! Đại Bồ-tát này nhất định sẽ khởi lên trí đạo tướng không trói buộc, không cởi mở, nhất định sẽ chứng trí nhất thiết, trí nhất thiết tướng không trói buộc, không cởi mở. Nhất định sẽ chuyển Pháp luân không trói buộc, không cởi mở. Nhất định sẽ đem pháp yếu Tam thừa không trói buộc, không cởi mở, an lập các loại hữu tình, không trói buộc, không cởi mở, khiến cho chúng cứu cánh Niết-bàn không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử! Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đà không trói buộc, không cởi mở, có thể chứng tất cả pháp tánh không trói buộc, không cởi mở. Vì vô sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không tướng, không tác, không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh nên không trói buộc, không cởi mở.

Mãn Từ Tử! Nên biết Đại Bồ-tát ấy được gọi là người mặc áo giáp Đại thừa, không trói buộc, không cởi mở. Đại Bồ-tát ấy mau chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, có thể làm lợi ích an lạc cho các hữu tình cho đến đời vị lai.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát? Như thế nào để các Đại Bồ-tát hướng đến Đại thừa? Đại thừa này từ chỗ nào ra, đến trụ nơi nào? Đại thừa này an trụ chỗ nào? Ai đi bằng Đại thừa này để xuất ly?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Câu hỏi trước tiên của ông: Những gì gọi là tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát. Thiện Hiện nên biết: Sáu pháp Ba-la-mật-đa là tướng Đại thừa của Đại Bồ-tát. Sáu pháp đó là gì? Một là bố thí Ba-la-mật-đa, hai là tịnh giới Ba-la-mật-đa, ba là an nhẫn Ba-la-mật-đa, bốn là tinh tấn Ba-la-mật-đa, năm là tịnh lực Ba-la-mật-đa, sáu là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thế nào gọi là Bố thí Ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, lấy đại bi làm đầu, tự xả tất cả sở hữu trong và ngoài; cũng khuyên người khác xả các vật trong và ngoài. Giữ gìn thiện căn này dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đó là bố thí Ba-la-mật-đa.

Thế nào là tịnh giới Ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, lấy đại bi làm đầu, tự thọ trì mười thiện nghiệp đạo; cũng khuyên người khác thọ trì mười thiện nghiệp đạo. Giữ gìn thiện căn này dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đó là tịnh giới Ba-la-mật-đa.

Thế nào là an nhẫn Ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, lấy đại bi làm đầu, tự đầy đủ an nhẫn tăng thượng. cũng khuyên người khác đủ an nhẫn tăng thượng. Giữ gìn thiện căn này dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đó là an nhẫn Ba-la-mật-đa.

Thế nào là tinh tấn Ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, lấy đại bi làm đầu, đối với năm Ba-la-mật-đa siêng tu không xả bỏ; cũng khuyên người khác siêng tu chẳng bỏ năm Ba-la-mật-đa. Giữ gìn thiện căn này dùng vô sở đắc làm

phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đó là tinh tấn Ba-la-mật-đa.

Thế nào là tịnh lự Ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, lấy đại bi làm đầu, tự phương tiện thiện xảo nhập vào các tịnh lự, không tùy theo thể lực của các định kia thọ sanh, cũng khuyên người khác phương tiện thiện xảo nhập vào các tịnh lự, không tùy theo thể lực của các định kia thọ sanh. Giữ gìn thiện căn này dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đó là tịnh lự Ba-la-mật-đa.

Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Nghĩa là Đại Bồ-tát dùng tác ý tương ưng với trí nhất thiết trí, lấy đại bi làm đầu, tự như thật quán sát tất cả pháp tánh. Không chấp thủ các pháp tánh; cũng khuyên người khác như thật quán sát tất cả pháp tánh, không chấp thủ các pháp tánh. Giữ gìn thiện căn này dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Thiện Hiện! Đó là tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát ấy, là những gì gọi là pháp nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, đại Không, Không Không, thắng nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tế Không, vô tán Không, bản tính Không, tướng Không, nhất thiết pháp Không, vô tính Không, vô tính tự tính Không.

Thế nào là pháp nội Không? Nội là nội pháp, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nên biết trong đây mắt do mắt không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó là như vậy. Cứ như thế cho đến ý do ý không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp nội Không.

Thế nào là pháp ngoại Không? Ngoại là ngoại pháp, tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên biết trong đây sắc do sắc không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Cứ như thế cho đến pháp do pháp không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp ngoại Không.

Thế nào là pháp nội ngoại Không? Nội ngoại là nội ngoại pháp, tức là sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Nên biết trong đây nội pháp do ngoại pháp không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Nghĩa là đối với sáu nội xứ do sáu ngoại xứ không. Ngoại pháp do nội pháp không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản



tánh nó như vậy, nghĩa là đối với sáu ngoại xứ do sáu nội xứ không. Đó là pháp nội ngoại Không.

Thế nào là pháp đại Không? Đại là mười phương. Trong đây nên biết phương đông do phương đông không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Cứ như thế cho đến hạ phương do hạ phương không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp đại Không.

Thế nào là pháp Không Không? Không trong đây là tất cả pháp không. Không đây lại do pháp Không Không nên không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp Không Không.

Thế nào là pháp thắng nghĩa Không? Thắng nghĩa trong đây tức là Niết-bàn. Nên biết Niết-bàn do Niết-bàn không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp thắng nghĩa Không.

Thế nào là pháp hữu vi Không? Hữu vi trong đây tức là ba cõi. Nên biết cõi Dục do cõi Dục không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Cõi sắc, cõi Vô sắc do cõi Sắc, cõi Vô sắc không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp hữu vi Không.

Thế nào là pháp vô vi Không? Vô vi là pháp vô sanh, vô di, vô diệt. Nên biết vô vi do pháp vô vi Không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp vô vi Không.

Thế nào là pháp rốt ráo (tất cánh) Không? Rốt ráo nghĩa là pháp nào rốt ráo bất khả đắc. Nên biết rốt ráo do rốt ráo không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp rốt ráo Không.

Thế nào là pháp vô tế Không? Vô tế là không có sơ biên tế, hậu biên tế và trung biên tế khả đắc. Pháp nào không sơ biên tế, hậu biên tế và trung biên tế khả đắc thì pháp ấy không có chỗ đến cũng không có chỗ đi. Nên biết không biên tế do pháp vô tế Không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp vô tế Không.

Thế nào là pháp vô tán Không? Vô tán nghĩa là các pháp có phóng có bỏ, có xả khả đắc. Pháp nào không phóng, bỏ, xả khả đắc thì gọi là pháp vô tán (không tán). Trong không tán do pháp vô tán Không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp vô tán Không.

Thế nào là pháp bản tánh Không? Bản tánh là tất cả pháp hoặc tánh hữu vi, hoặc tánh vô vi. Bản tánh này chẳng phải do Thanh văn

tạo ra, chẳng phải Độc giác tạo ra, chẳng phải Bồ-tát tạo ra, chẳng phải chư Phật tạo ra, cũng chẳng phải do ai khác tạo ra mà tánh của nó là như vậy, nên gọi là bản tánh. Nên biết bản tánh do bản tánh Không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp bản tánh Không.

Thế nào là pháp tướng Không? Tướng là tự tướng và cộng tướng các pháp. Trong đây nên biết tướng do pháp tướng Không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp tướng Không.

Thế nào là pháp nhất thiết pháp Không? Tất cả (nhất thiết) pháp là sắc cho đến thức, nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra, hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi, gọi là tất cả pháp. Trong đây tất cả pháp do pháp tất cả (nhất thiết) pháp Không chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp nhất thiết pháp Không.

Thế nào là pháp vô tính Không? Vô tính là trong đó không có chút tính nào có thể nắm bắt được. Nên biết vô tính (không tính) do pháp vô tính Không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy. Đó là pháp vô tính Không.

Thế nào là pháp vô tính tự tính Không? Vô tính tự tính là tất cả pháp không pháp nào có thể hòa hợp nên tánh có chỗ hòa hợp là vì tự tánh các duyên sanh. Nên biết vô tính tự tính do pháp vô tính tự tính Không, chẳng thường chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh nó như vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hữu tánh do hữu tánh không, vô tánh do vô tánh không, tự tánh do tự tánh không, tha tánh do tha tánh không.

Thế nào là hữu tánh do hữu tánh không? Hữu tánh là pháp hữu vi, tức là năm uẩn. Như vậy, hữu tánh do hữu tánh không, vì sắc v.v... năm uẩn bất khả đắc, vì tánh vô sanh.

Thế nào là vô tánh do vô tánh không? Vô tánh là pháp vô vi. Trong đây vô vi pháp do vô vi pháp không, tức là vô tánh do vô tánh không.

Thế nào là tự tánh do tự tánh không? Nghĩa là tự tánh của tất cả pháp đều là không. Ở đây chẳng phải do trí tạo ra. Chẳng phải do kiến tạo ra, cũng chẳng phải do pháp nào khác làm ra, nên nói tự tánh do tự tánh không.

Thế nào là tha tánh do tha tánh không? Nghĩa là tất cả pháp, dù Như Lai ra đời hoặc không ra đời, pháp trụ, pháp định, pháp giới,

chơn như, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, thật tế là như vậy. Bởi tha tánh không, nên nói tha tánh do tha tánh không.

Thiện Hiện! Đó là tướng Đại thừa khi các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa của các Đại Bồ-tát là Kiện hành Tam-ma-địa, Bảo ấn Tam-ma-địa, Su tử du hý Tam-ma-địa, Diệu nguyệt Tam-ma-địa, Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa, Nhất thiết pháp dừng Tam-ma-địa, Quán đỉnh Tam-ma-địa, Pháp giới quyết định Tam-ma-địa, Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa, Kim cương dụ Tam-ma-địa, Nhập pháp ấn Tam-ma-địa, Đẳng trì vương Tam-ma-địa, Thiện an lập Tam-ma-địa, Phóng quang Tam-ma-địa, Lục chúng Tam-ma-địa, Đẳng dừng Tam-ma-địa, Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa, Đẳng nhập tạng ngữ Tam-ma-địa, Quán phương Tam-ma-địa, Trì ấn Tam-ma-địa, Vô vọng thất Tam-ma-địa, Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa, Biến phú hư không Tam-ma-địa, Kim cương luân Tam-ma-địa, Vô-lượng-quang Tam-ma-địa, Vô trước vô chướng Tam-ma-địa, Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa, Xả bảo Tam-ma-địa, Biến chiếu Tam-ma-địa, Bất luyến Tam-ma-địa, Vô tướng trụ Tam-ma-địa, Bất tư duy Tam-ma-địa, Vô cấu đăng Tam-ma-địa, Vô biên quang Tam-ma-địa, Phát quang Tam-ma-địa, Phổ chiếu Tam-ma-địa, Tịnh kiên Tam-ma-địa, Vô cấu quang Tam-ma-địa, Phát diệu lạc Tam-ma-địa, Đẳng đẵng Tam-ma-địa, Vô tận Tam-ma-địa, Cụ oai quang Tam-ma-địa, Ly tận Tam-ma-địa, Bất khả hủy Tam-ma-địa, Khai phát Tam-ma-địa, Nhật đẵng Tam-ma-địa, Tịnh nguyệt Tam-ma-địa, Tịnh quang Tam-ma-địa, Vô động Tam-ma-địa, Pháp minh Tam-ma-địa, Ứng tác bất ứng tác Tam-ma-địa, Trí tràng tướng Tam-ma-địa, Kim cương man Tam-ma-địa, Trụ tâm Tam-ma-địa, Phổ minh Tam-ma-địa, Thiện trụ Tam-ma-địa, Bửu tích Tam-ma-địa, Diệu pháp ấn Tam-ma-địa, Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa, Xả ái lạc Tam-ma-địa, Pháp dừng mãnh Tam-ma-địa, Phiêu tán Tam-ma-địa, Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa, Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa, Ly văn tự tướng Tam-ma-địa, Đoạn sở duyên Tam-ma-địa, Vô biến dị Tam-ma-địa, Vô phẩm loại Tam-ma-địa, Nhập danh tướng Tam-ma-địa, Vô tướng hành Tam-ma-địa, Ly ế ám Tam-ma-địa, Cụ hành Tam-ma-địa, Bất biến động Tam-ma-địa, Độ cảnh giới Tam-ma-địa, Ly tập chúng đức Tam-ma-địa, Quyết định trụ Tam-ma-địa, Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa, Cụ giác chi Tam-ma-địa, Vô biên biện Tam-ma-địa, Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa, Phổ siêu nhất thiết Tam-ma-địa, Quyết phán nhất thiết Tam-ma-địa, Tán do dự Tam-ma-địa, Vô sở trụ Tam-ma-địa, Nhất tướng trang nghiêm

Tam-ma-địa, Dẫn phát hành tướng Tam-ma-địa, Nhất hành tướng Tam-ma-địa, Ly hành tướng Tam-ma-địa, Diệu hành tướng Tam-ma-địa, Đạt chur hữu để tán hoại Tam-ma-địa, Bảo kiên cố Tam-ma-địa, Giải thoát âm thanh văn tự Tam-ma-địa, Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam-ma-địa, Cụ xí nhiên Tam-ma-địa, Nghiêm tịnh tướng Tam-ma-địa, Vô tiêu xí Tam-ma-địa, Cụ diệu tướng Tam-ma-địa, Bất hỷ nhất thiết khổ lạc Tam-ma-địa, Vô tận hành tướng Tam-ma-địa, Cụ tông trì Tam-ma-địa, Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam-ma-địa, Túc vi thuận Tam-ma-địa, Ly ái tăng Tam-ma-địa, Vô cấu minh Tam-ma-địa, Cụ kiên cố Tam-ma-địa, Mãn nguyệt tịnh quang Tam-ma-địa, Đại trang nghiêm Tam-ma-địa, Phổ chiếu thế gian Tam-ma-địa, Định bình đẳng tánh Tam-ma-địa, Viễn ly trần cấu Tam-ma-địa, Hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam-ma-địa, Vô sào huyết vô tiêu xí vô ái lạc Tam-ma-địa, Quyết định an trụ chơn như Tam-ma-địa, Ly thân ngữ ý uế ác Tam-ma-địa, Như hư không Tam-ma-địa, Vô nhiễm vô trước Tam-ma-địa. Có vô lượng trăm ngàn Tam-ma-địa như thế. Đó là tướng Đại thừa của Bồ-tát.

Thiện Hiện! Trong đây vì sao gọi là Kiện hành Tam-ma-địa? Nghĩa là khi trụ Tam-ma-địa này, tất cả đều có thể nhiếp thọ hành xứ các định, nên gọi là Kiện hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bảo ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này có thể ấn hành tướng sai khác của các định. Cho nên gọi là Bảo ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Sư tử du hý Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này sẽ du hý tự tại đối với các đẳng trì, nên gọi là Sư tử du hý Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Diệu nguyệt Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, như trăng tròn chiếu khắp các định, nên gọi là Diệu nguyệt Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể giữ gìn tướng cờ các định, nên gọi là Nguyệt tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhất thiết pháp dũng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể vọt ra khỏi tất cả thắng định, nên gọi là Nhất thiết pháp dũng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quán đỉnh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể quán sát đến đỉnh các thắng định, nên gọi là Quán đỉnh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Pháp giới quyết định Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, quyết định chiếu rõ pháp giới, nên gọi là Pháp giới quyết định Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, quyết định sẽ nắm được tướng cò các định, nên gọi là Quyết định tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cương dụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể quật ngã các định mà chẳng bị định kia quật lại, nên gọi là Kim cương dụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập pháp ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể ngộ nhập khắp tất cả pháp ấn, nên gọi là Nhập pháp ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đăng trì vương Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, đều được tự tại ở trong các định, nên gọi là Đăng trì vương Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Thiện an lập Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể khéo an lập đối với Đăng trì vương, nên gọi là Thiện an lập Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phóng quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể khai phát ánh sáng ở các định, nên gọi là Phóng quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Lực chúng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể phát ra nhiều lực các định, nên gọi là Lực chúng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đăng dũng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, khiến cho các thắng định bình đẳng đồng xuất, nên gọi là Đăng dũng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, chắc chắn có thể nhập định ngôn từ, nên gọi là Nhập ngôn từ quyết định Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đăng nhập tăng ngữ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, bình đẳng ngộ nhập các định danh giải thích nghĩa lý, nên gọi là Đăng nhập tăng ngữ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quán chiếu các định phương Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể quán chiếu các định phương, nên gọi là Quán chiếu các định phương Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trì ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể giữ trọn diệu ấn các định, nên gọi là Trì ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô vong thất Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, không quên mất tướng các định, nên gọi là Vô vong thất Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, khiến cho các thắng định bình đẳng hướng vào như biển cả thu nhận các dòng sông, nên gọi là Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Biến phú hư không Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể biến khắp che chở các đẳng trì như hư không, không lựa riêng chỗ nào, nên gọi là Biến phú hư không Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cương luân Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể trụ trì tất cả thắng định, khiến không tán hoại, như Kim cương luân, nên gọi là Kim cương luân Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô lượng quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ phóng vô lượng tia sáng chiếu khắp các loài hữu tình, khiến chúng nhớ nghĩ đến pháp đã từng lãnh thọ và làm các việc lợi ích lớn, nên gọi là Vô lượng quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô trước vô chướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ xa lìa các sự nhiễm đấm và tất cả chướng ngại, nên gọi là Vô trước vô chướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ chứng lý vô sanh đối với tất cả pháp, khiến chấm dứt khổ sanh tử chẳng còn tiếp nối nữa, nên gọi là Đoạn chư pháp luân Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Xả bảo Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, đối với tướng các định còn xả bỏ, huống gì các phiền não và tướng các pháp mà lại chẳng bỏ ư? Thế nên gọi là Xả bảo Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Biến chiếu Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ chiếu khắp các định khiến chúng được rục rỡ, nên gọi là Biến chiếu Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất luyến Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, không có sự mong cầu đối với tất cả pháp, nên gọi là Bất luyến Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tướng trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, không thấy trong các định có một pháp nào đáng trụ, nên gọi là Vô tướng trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất tư duy Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thì tất cả pháp tâm và tâm sở thấp kém đều không lay chuyển, nên gọi là Bất tư duy Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô cầu đấng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, như cầm đèn sáng soi rõ các định, nên gọi là Vô biên quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biên quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể phát ra đại quang minh chiếu khắp không bờ mé, nên gọi là Vô biên quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể phát ra quang minh thắng định, nên gọi là Phát quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phổ chiếu Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, lúc nào cũng có thể chiếu khắp các thắng định, nên gọi là Phổ chiếu Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh kiên Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ đạt được tánh thanh tịnh và bình đẳng của các đấng trì, nên gọi là Tịnh kiên Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô cầu quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể trừ sạch cầu bản nơi định, cũng có thể chiếu rõ tất cả đấng trì, nên gọi là Vô cầu quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát diệu lạc Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể lãnh thọ sự an vui màu nhiệm của các định, nên gọi là Phát diệu lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Điện đấng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, chiếu các đấng trì như đèn điện sáng, nên gọi là Điện đấng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tận Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, đối với các đấng trì chẳng thấy có chỗ cùng tận, nên gọi là Vô tận Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ oai quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, oai quang được độc thạnh đối với các đấng trì, nên gọi là Cụ oai quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly tận Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thấy các đấng trì lìa hết tất cả, chẳng thấy có chút phần pháp tướng nào, nên gọi là Ly tận Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất khả hủy Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thấy các đấng trì không có tỳ vết, nên gọi là Bất khả hủy Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Khai phát Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thấy các đấng trì hoàn toàn khai phát, nên gọi là Khai phát Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhật đăng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, các định phát ánh sáng chiếu khắp, nên gọi là Nhật đăng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh nguyệt Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, các đẳng trì này như mặt trăng phá đi sự tăm tối, nên gọi là Tịnh nguyệt Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh quang Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ đắc quả vô ngại giải đối với các đẳng trì, nên gọi là Tịnh quang Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô động Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, khiến cho các đẳng trì không lay động, không lung lay, không kiêu mạn, nên gọi là Vô động Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phát minh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, khiến cho các cửa định phát ra ánh sáng chiếu khắp, nên gọi là Phát minh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ứng tác bất ưng tác Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, chiếu các đẳng trì tất cả việc nên làm, việc không nên làm đều được hiện rõ, nên gọi là Ứng tác bất ưng tác Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trí tràng tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thấy được tướng diệu trí của các đẳng trì, nên gọi là Trí tràng tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Kim cương man Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể thông đạt tất cả pháp mà chẳng thấy có tướng tất cả, nên gọi là Kim cương man Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Trụ tâm Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, tâm chẳng dao động, chẳng biến chiếu, cũng chẳng tổn giảm, chẳng nghĩ có tâm ấy, nên gọi là Trụ tâm Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phổ minh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể quán chiếu ánh sáng của các định, nên gọi là Phổ minh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Thiện trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể an trụ các đẳng trì một cách khéo léo, nên gọi là Thiện trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bảo tích Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ quán các đẳng trì như kho báu, nên gọi là Bảo tích Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Diệu pháp ấn Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể ấn chứng các đẳng trì, bằng ấn vô ấn, nên gọi là Diệu pháp ấn Tam-ma-địa.



Vì sao gọi là Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, chẳng thấy có một phần nhỏ pháp nào xa lìa pháp bình đẳng, nên gọi là Pháp bình đẳng tánh Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Xả ái lạc Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, xả bỏ ái lạc đối với tất cả định và tất cả pháp, nên gọi là Xả ái lạc Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Pháp dững mãi Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, tướng của tất cả pháp đều biến mất mà viên mãn hoàn toàn đối với giáo pháp của Phật, nên gọi là Pháp dững mãi Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phiêu tán Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể làm cho các định tan tác các pháp, nên gọi là Phiêu tán Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể phân biệt pháp cú các định một cách khéo léo, nên gọi là Phân biệt pháp cú Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ được các đẳng trì rất ưa thích tự tướng bình đẳng, nên gọi là Bình đẳng tự tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly văn tự tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, không được các đẳng trì ưa thích tướng văn tự, nên gọi là Ly văn tự tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Đoạn sở duyên Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ chấm dứt tướng cảnh sở duyên của các đẳng trì, nên gọi là Vô biến dị Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biến dị Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, không chứng được tướng biến dị của các pháp, nên gọi là Vô biến dị Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô phẩm loại Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, không đạt được tướng phẩm loại riêng của các pháp, nên gọi là Vô phẩm loại Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Nhập danh tướng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ ngộ nhập danh tướng sai khác của các pháp, nên gọi là Nhập danh tướng Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô tướng hành Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, đối với tướng các định đều không thấy chứng đắc, nên gọi là Vô tướng hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly ế ám Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, có thể loại trừ sự tối tăm của các định, nên gọi là Ly ế ám Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ hành Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ thấy đủ các hành tướng sai khác của các đẳng trì, nên gọi là Cụ hành Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Bất biến động Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, không thấy sự biến động của các đẳng trì, nên gọi là Bất biến động Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Độ cảnh giới Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ vượt qua tướng cảnh sở duyên của các đẳng trì, nên gọi là Độ cảnh giới Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Ly tập chúng đức Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, đối với tất cả pháp và tất cả định chẳng đạt được tướng nhóm, vì tất cả pháp không thể nhóm, nên gọi là Ly tập chúng đức Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Quyết định trụ Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, tuy quyết định trụ các định nhưng biết tướng và cảnh định ấy không thể nắm bắt, nên gọi là Quyết định trụ Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, làm cho các đẳng trì đều được thanh tịnh trang nghiêm nhưng lộng lẫy như diệu hoa, nên gọi là Tịnh diệu hoa Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Cụ giác chi Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, thì tu bảy giác chi mau được viên mãn, nên gọi là Cụ giác chi Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô biên biện Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ đạt được biện tài vô biên đối với các pháp, nên gọi là Vô biên biện Tam-ma-địa.

Vì sao gọi là Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa? Vì khi trụ Tam-ma-địa này, sẽ được tánh vô đẳng đẳng của các đẳng trì, nên gọi là Vô đẳng đẳng Tam-ma-địa.

Quyển thứ 488

HẾT